

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

## **NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 32
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 20 tháng 03 năm 2015 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745.

Trụ sở chính của Công ty tại số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Chủ tịch
Ông Võ Hồng Quang	Ủy viên
Bà Mai Thị Hiền	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Văn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 01/04/2014

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Trọng Đức	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I được lập ngày 27 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Nguyễn Quốc Dũng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015



**Nguyễn Thanh Hương**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1918-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
	<b>TÀI SẢN</b>			
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.610.497.915.820</b>	<b>1.878.738.396.622</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>414.907.865.578</b>	<b>284.960.384.538</b>
111	1. Tiền		57.007.865.578	99.560.384.538
112	2. Các khoản tương đương tiền		357.900.000.000	185.400.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>537.981.609.417</b>	<b>870.716.785.113</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		364.122.267.677	827.664.201.219
132	2. Trả trước cho người bán		164.438.767.560	53.114.806.908
135	5. Các khoản phải thu khác	<b>4</b>	19.696.186.189	14.086.922.874
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.275.612.009)	(24.149.145.888)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>5</b>	<b>626.061.010.473</b>	<b>702.195.987.291</b>
141	1. Hàng tồn kho		626.061.010.473	702.566.805.128
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(370.817.837)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>31.547.430.352</b>	<b>20.865.239.680</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.127.483.366	550.875.372
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.473.043.991	275.822.454
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	<b>6</b>	11.317.247	5.575.582
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	<b>7</b>	18.935.585.748	20.032.966.272
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>467.544.724.862</b>	<b>241.724.508.726</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>238.239.635.415</b>	<b>91.225.144.429</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	<b>8</b>	76.129.864.940	74.857.048.698
222	- Nguyên giá		250.475.007.397	235.778.212.432
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(174.345.142.457)	(160.921.163.734)
227	3. Tài sản cố định vô hình	<b>9</b>	1.821.341.013	2.334.284.135
228	- Nguyên giá		10.913.551.854	10.913.551.854
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.092.210.841)	(8.579.267.719)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>10</b>	160.288.429.462	14.033.811.596
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>91.844.704.143</b>	<b>9.768.451.171</b>
241	- Nguyên giá		96.348.430.488	11.076.525.175
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.503.726.345)	(1.308.074.004)
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>117.679.864.705</b>	<b>116.439.682.379</b>
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		112.858.094.705	110.417.912.379
258	3. Đầu tư dài hạn khác		4.821.770.000	6.021.770.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>16.819.465.653</b>	<b>19.849.648.328</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>13</b>	12.601.709.815	13.742.854.645
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<b>29.2</b>	3.568.215.838	5.918.657.683
268	3. Tài sản dài hạn khác	<b>14</b>	649.540.000	188.136.000
<b>269</b>	<b>VI. Lợi thế thương mại</b>		<b>2.961.054.946</b>	<b>4.441.582.419</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.078.042.640.682</b>	<b>2.120.462.905.348</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.177.806.489.013</b>	<b>1.624.181.308.083</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.071.017.140.632</b>	<b>1.623.977.853.538</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	115.282.617.572	386.573.223.066
312	2. Phải trả cho người bán		445.486.761.051	326.526.023.665
313	3. Người mua trả tiền trước		33.726.662.631	620.111.523.612
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	106.362.263.393	74.642.713.451
315	5. Phải trả người lao động		69.454.926.002	46.637.092.628
316	6. Chi phí phải trả	17	89.952.868.924	18.225.105.819
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	55.173.108.130	41.643.312.048
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	142.872.861.394	102.311.446.904
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		12.705.071.535	7.307.412.345
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>106.789.348.381</b>	<b>203.454.545</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	20	139.211.321	199.200.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	21	74.357.198.239	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.2	2.663.541.460	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		29.373.583.619	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		255.813.742	4.254.545
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>863.831.621.517</b>	<b>462.341.492.281</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>863.831.621.517</b>	<b>462.341.492.281</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		201.000.000.000	180.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.726.187.500	4.726.187.500
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		6.886.924.872	5.011.985.488
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(4.320.000)	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		432.841.146	432.841.146
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		1.104.247.862	(1.202.574.565)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		20.801.830.931	15.826.517.442
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		17.585.970.291	12.915.963.569
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		611.297.938.915	244.630.571.701
<b>439</b>	<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>		<b>36.404.530.152</b>	<b>33.940.104.984</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.078.042.640.682</b>	<b>2.120.462.905.348</b>

Người lập biểu



Phạm Thanh Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Việt

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015  
Tổng Giám đốc



Trịnh Văn Tuấn

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý		12.495.360.777	12.373.726.137
5. Ngoại tệ các loại USD		55.752,45	10.175,30

Người lập biểu



Phạm Thanh Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Việt

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Trịnh Văn Tuấn



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014		Năm 2013	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	3.100.045.836.079	2.024.239.105.550		
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-		
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.100.045.836.079	2.024.239.105.550		
11	4. Giá vốn hàng bán	24	2.433.028.747.241	1.604.976.903.704		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		667.017.088.838	419.262.201.846		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	7.709.920.408	1.883.915.135		
22	7. Chi phí tài chính	26	13.514.923.095	50.775.732.779		
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		12.763.965.879	50.313.562.310		
24	8. Chi phí bán hàng		17.739.472.861	75.643.969.264		
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		94.173.478.220	108.987.438.042		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		549.299.135.070	185.738.976.896		
31	11. Thu nhập khác	27	4.948.625.147	7.420.433.825		
32	12. Chi phí khác	28	5.505.331.950	2.846.123.688		
40	13. Lợi nhuận khác		(556.706.803)	4.574.310.137		
45	14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD		133.359.899	-		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		548.875.788.166	190.313.287.033		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29.1	119.124.840.396	53.387.126.824		
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.2	5.013.983.305	(5.534.168.885)		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		424.736.964.465	142.460.329.094		
61	19. Lợi ích của cổ đông thiểu số		1.345.741.130	3.094.372.752		
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		<b>423.391.223.335</b>	<b>139.365.956.342</b>		
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	21.064	6.934		

Người lập biểu



Phạm Thanh Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Việt

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc




Trịnh Văn Tuấn

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>548.875.788.166</b>	<b>190.313.287.033</b>
	<b>2. Điều chỉnh các khoản</b>		<b>85.031.170.994</b>	<b>160.340.764.471</b>
02	- Khấu hao TSCĐ	8; 9; 11	22.728.407.296	18.402.792.468
03	- Các khoản dự phòng		55.690.646.393	99.631.362.379
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	25; 26	65.436.220	(83.590.256)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	25; 27; 28	(6.217.284.794)	(7.923.362.430)
06	- Chi phí lãi vay	26	12.763.965.879	50.313.562.310
08	<b>3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>633.906.959.160</b>	<b>350.654.051.504</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		424.729.929.054	(374.702.807.843)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		47.041.696.718	(271.083.655.213)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(345.771.499.920)	630.441.599.603
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		564.536.836	(2.485.257.803)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(12.617.311.571)	(56.374.337.766)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(110.593.847.723)	(21.456.446.803)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.753.930.363	12.761.910.436
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.347.378.010)	(6.684.857.595)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>631.667.014.907</b>	<b>261.070.198.520</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(299.830.074.970)	(14.783.065.676)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác		595.348.556	1.263.736.008
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(20.207.226.168)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.200.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.471.020.642	1.718.193.975
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(290.563.705.772)</b>	<b>(32.008.361.861)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	10.000.000.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		674.634.695.789	1.084.904.269.206
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(871.568.103.044)	(1.111.553.295.380)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.229.844.960)	(2.177.987.672)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(211.163.252.215)</b>	<b>(18.827.013.846)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>129.940.056.920</b>	<b>210.234.822.813</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		284.960.384.538	74.723.627.463
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ		7.424.120	1.934.262
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3</b>	<b>414.907.865.578</b>	<b>284.960.384.538</b>

Người lập biểu



Phạm Thanh Bình

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Việt

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015  
Tổng Giám đốc



Trịnh Văn Tuấn